

Bản án số: 77/2024/HSST.
Ngày 23/8/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thiện

Bà Trần Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 59/2024/HSST, ngày 20 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 8 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình G (tên gọi khác: T) sinh năm 1986, tại tỉnh Hưng Yên.

Số căn cước công dân: 033086014633. Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm rẫy, Trình độ học vấn: 08/12. Con ông Nguyễn Đình N (đã chết) và bà Vũ Thị L (đã chết).

Tiền sự: Không. Tiền án:

- Ngày 31/05/2010, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, tại Bản án số 33/2010/HSST.

- Ngày 26/04/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 tháng tù về Tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, tại Bản án số 92/2012/HSST.

- Ngày 02/02/2015, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, tại Bản án số 15/2015/HSST.

- Ngày 12/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xử phạt 03 năm tù về Tội trộm cắp tài sản, tại Bản án số 84/2018/HSST.

- Ngày 02/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xử phạt 02 năm tù Tội trộm cắp tài sản, tại Bản án số 28/2018/HSST. Sau đó ngày 10/12/2018, Tòa án nhân dân huyện PC, tỉnh Hưng Yên ra Quyết định số: 54, tổng hợp hình phạt bản án số 84/2018/HSST ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước với Bản án số 28/2018/HSST ngày 02/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện PC, tỉnh Hưng Yên. Buộc chấp hành hình phạt

chung của hai bản án là 05 năm tù. Đến ngày 13/6/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt chính, chưa chấp hành án phí, bồi thường dân sự theo Quyết định tại bản án số 84 ngày 12/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/03/2024 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông [Lê Thế T1](#), sinh năm 1980. (Vắng mặt)

HKTT: [Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước](#).

- Người làm chứng: [Điều L1](#), sinh năm 2003. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: [Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có phương tiện đi lại, đồng thời kiếm tiền tiêu xài nên [G](#) nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người dân. Khoảng 02 giờ ngày 24/02/2024, [Nguyễn Đình G](#) đi bộ đến khu vực [thôn Đ, xã Đ, huyện B](#) nhìn thấy xe mô tô biển số: 93L1 – 307.69 nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE, màu sơn nâu vàng đồng của anh [Lê Thế T1](#) đang dựng trước chòi rẫy không có người trông coi nên [G](#) đi vào dẫn xe mô tô nêu trên ra đường. Sau đó dùng đoản phá khóa rồi nổ máy điều khiển xe chạy đến khu vực [xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước](#). Khi đến nơi, [G](#) dùng khóa gỡ biển số: 93L1 – 307.69 rồi vứt xuống khu vực [sông Đ, thuộc xã P, huyện B](#), sau đó Giới thay bằng biển số: 64L1 – 4675 mà **Giới đã nhặt được trước đó** dùng làm phương tiện đi lại.

Ngoài ra [G](#) là người nghiện ma túy nên khoảng 20 giờ ngày 08/3/2024, [G](#) điều khiển xe mô tô đã thay biển số nêu đi đến khu vực [xã Đ, huyện B](#) gặp một người đàn ông tên [C](#) (không rõ nhân thân, lý lịch) mua 01 gói ma túy đá với giá 300.000 đồng. Mua xong, [G](#) điều khiển xe đi về [thôn Đ, xã Đ, huyện B](#) lấy một ít ra sử dụng, số còn lại [G](#) cất giấu trong người. Đến khoảng 08 giờ ngày 09/3/2024, [G](#) tiếp tục điều khiển xe mô tô nêu trên đến khu vực [thôn Đ, xã Đ, huyện B](#) gặp [M](#) (không rõ nhân thân, lý lịch) mua 02 gói heroine với giá 600.000 đồng. Mua xong, [G](#) điều khiển xe đến khu vực vườn điều thuộc [thôn Đ, xã Đ, huyện B](#) lấy ra một ít sử dụng, số ma túy còn lại [G](#) bỏ vào trong gói nylon có viên màu đỏ cùng 01 gói nylon có chứa ma túy đá rồi khoá miết lại cất giấu trong quần lót Giới đang mặc trên người. Sau đó, [G](#) điều khiển xe mô tô đến khu vực vườn điều thuộc [thôn E, xã Đ, huyện B](#) với mục đích đi nhặt trộm điều thì bị lực lượng [Công an xã Đ, huyện B](#) đi tuần tra, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong tang vật (ký hiệu M có chữ ký của [G](#)), giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – [Công an huyện B](#) điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Tại Kết luận định giá tài sản số: 13/KL-ĐG ngày 15/03/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự [huyện B](#), kết luận tại thời điểm xảy ra tội phạm: 01 xe mô tô biển số: 93L1 – 30769, nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE, màu sơn nâu vàng đồng, số khung: JC76B0018505; số máy: 7600GZ006348 có giá trị 9.000.000 đồng.

- Tại Kết luận giám định số: 299/KL-KTHS ngày 18/03/2024 của [Phòng K Công an tỉnh B](#), kết luận:

+ Chất màu trắng có trong 02 gói giấy được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng là: 0,2013 gam.

+ Tinh thể màu trắng bên trong 01 gói nylon hàn kín được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là: 0,0284 gam.

Tại Cáo trạng số 66/CT –VKS, ngày 20/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo [Nguyễn Đình G](#) phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự và [T2](#) trộm cắp tài sản quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo [Nguyễn Đình G](#) phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng Điều 55 tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, do không có nghề nghiệp thu nhập ổn định và hoàn cảnh khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản theo quy định, không yêu cầu gì thêm.

Về vật chứng vụ án: đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE, cho anh [Lê Thế T1](#). Trả 01 biển số: 64L1 – 4657 cho anh [Phạm Văn P](#). 01 biển số: 93L1 – 307.69, [G](#) vứt bỏ không thu hồi được. Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Quá trình giải quyết vụ việc bị hại không có ý kiến về tội danh, vật chứng vụ án, đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm.

Lời nói sau cùng bị cáo ăn năn hối hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - [Công an huyện B](#), Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ lời nhận tội của bị cáo, cùng tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy ngày 24/02/2024, [Nguyễn Đình G](#) có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 93L1 – 307.69 của anh [Lê Thế T1](#) có giá trị 9.000.000 đồng, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS nhưng do thời điểm phạm tội bị cáo cũng đã bị kết án chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương;

Ngày 09/3/2024 bị cáo [Nguyễn Đình G](#) có hành vi tàng trữ trái phép ma túy loại Methamphetamine với tổng khối lượng là 0,0284 gam và 0,2013 loại Heroine. Quá trình điều tra không chứng minh được việc tàng trữ nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy. Vì vậy, chỉ có cơ sở xác định hành vi của bị cáo là đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, nhưng do thời điểm phạm tội bị cáo cũng đã bị kết án chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm o Khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được mọi hành vi liên quan đến ma túy là vi phạm pháp luật, là nguyên nhân có thể gây ra nhiều loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại các điều luật thì ngoài hình phạt chính thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ. Tuy nhiên, do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã trả 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTURE, cho anh [Lê Thế T1](#); Trả 01 biển số: 64L1 – 4657 cho anh [Phạm Văn P](#). Hội đồng xét xử nhận thấy việc trả lại tài sản là hợp pháp nên không giải quyết thêm. Đối với Số ma túy còn lại sau giám định là dược liệu Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Đình G](#) phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo [Nguyễn Đình G](#) 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo [Nguyễn Đình G](#) 03 (ba) năm tù về Tội trộm tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/03/2024.

Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 299 của [Phòng K Công an tỉnh B](#) (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0010163 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo [Nguyễn Đình G](#) phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lường Văn Tình

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 23 tháng 8 năm 2024;

Tại: Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn T3.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc T4 và Trần Thị H.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2024/HSST, ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo: Nguyễn Đình G (tên gọi khác: T) sinh năm 1986, tại tỉnh Hưng Yên. Số căn cước công dân: 033086014633. Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình G phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình G 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Nguyễn Đình G 03 (ba) năm tù về Tội trộm tài sản.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh buộc bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/03/2024.

Quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ký hiệu số 299 của Phòng K Công an tỉnh B (Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0010163 ngày 23/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình G phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tổng đạt hợp lệ.

(Biểu quyết tất cả các vấn đề nêu trên là 3/3).

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 23 tháng 8 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc T4 - Trần Thị Hải Lường Văn T5

